

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 40

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là trồng và kinh doanh trái cây, cao su, cọ dầu và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HDQT”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên	
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát (“BKS”) trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	
Ông Đặng Công Trục	Thành viên	
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Bảo Sơn.

Ông Nguyễn Hoàng Phi được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 01/2022/GUQ-TGD/HAGL Agrico ngày 12 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 để ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 12827243/22989163/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.894.127.991	6.130.906.088
110	I. Tiền	4	2.106.465	7.334.259
111	1. Tiền		2.106.465	7.334.259
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.789.059.880	6.032.480.420
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.410.284.924	1.174.110.072
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.623.111.850	1.512.187.421
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	26	773.476.897	1.319.481.087
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.219.498.602	2.260.978.441
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 7	(237.312.393)	(234.276.601)
140	III. Hàng tồn kho	8	23.030.593	21.422.858
141	1. Hàng tồn kho		24.504.468	23.226.689
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.473.875)	(1.803.831)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		79.931.053	69.668.551
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	1.765
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	79.644.665	69.380.398
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	286.388	286.388
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.141.960.662	11.269.214.748
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.285.465.829	6.411.378.625
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	26	5.676.999.605	4.925.072.274
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.608.466.224	1.486.306.351
220	II. Tài sản cố định		6.107.239	6.771.369
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.746.822	2.037.202
222	Nguyên giá		9.481.177	9.390.374
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.734.355)	(7.353.172)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	4.360.417	4.734.167
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.619.583)	(1.245.833)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	4.848.889.448	4.848.889.448
251	1. Đầu tư vào các công ty con		4.662.884.812	4.662.884.812
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(102.594.610)	(102.594.610)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.498.146	2.175.306
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.498.146	2.175.306
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		18.036.088.653	17.400.120.836

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.024.778.988	5.495.663.769
310	I. Nợ ngắn hạn		3.977.635.823	3.325.378.693
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	22.266.598	54.814.109
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	280.891.323	1.491.669
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	184.452	162.728
314	4. Phải trả người lao động		1.342.304	2.336.061
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	311.629.552	264.079.854
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	121.767.583	258.356.458
320	7. Vay ngắn hạn	17	3.239.554.011	2.744.137.814
330	II. Nợ dài hạn		2.047.143.165	2.170.285.076
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	15	188.764.745	175.531.171
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	162.543.974	191.454.233
338	3. Vay dài hạn	17	1.695.834.446	1.803.299.672
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.011.309.665	11.904.457.067
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	12.011.309.665	11.904.457.067
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(244.356.285)	(351.208.883)
421a	- Lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(351.688.883)	(95.394.252)
421b	- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này		107.332.598	(255.814.631)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		18.036.088.653	17.400.120.836

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc




Tỉnh Gia Lai, Việt Nam


Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	352.645.678	755.689.784
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20, 24	(349.659.784)	(692.066.185)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp		2.985.894	63.623.599
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	239.850.715	327.478.909
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(119.851.453) (116.717.183)	(423.238.345) (143.756.216)
25	6. Chi phí bán hàng	22, 24	(3.043.898)	(65.540.753)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22, 24	(8.515.508)	(51.803.377)
30	8. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		111.425.750	(149.479.967)
31	9. Thu nhập khác	23	58.319	2.085.140
32	10. Chi phí khác	23	(4.151.471)	(658.816)
40	11. (Lỗ)/lợi nhuận khác	23	(4.093.152)	1.426.324
50	12. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		107.332.598	(148.053.643)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	-	-
60	14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		107.332.598	(148.053.643)


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc



Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		107.332.598	(148.053.643)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	754.933	3.590.640
03	Các khoản dự phòng		2.705.836	12.326.285
04	(Lợi nhuận)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(44.976.150)	10.825.690
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(194.469.048)	(64.808.563)
06	Chi phí lãi vay	21	116.717.183	143.756.216
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(11.934.648)	(42.363.375)
09	Tăng các khoản phải thu		(296.202.979)	(153.410.853)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(1.277.779)	7.626.176
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		180.136.580	(857.346.374)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		678.925	(254.380)
14	Tiền lãi vay đã trả		(55.864.938)	(119.582.644)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(184.464.839)	(1.165.331.450)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(52.297.649)
23	Tiền chi cho vay		(86.082.928)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	(41.627.543)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các công ty con		-	251.644.988
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay		252.643	7.418
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(85.830.285)	157.727.214

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	851.450.083	1.935.191.795
34	Tiền trả nợ gốc vay	17	(586.383.349)	(925.006.442)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		265.066.734	1.010.185.353
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(5.228.390)	2.581.117
60	Tiền đầu kỳ		7.334.259	7.719.915
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		596	(43.713)
70	Tiền cuối kỳ	4	2.106.465	10.257.319

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại SGDCKHCM theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng và kinh doanh trái cây, cao su, cọ dầu và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 30 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 67).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết, và một (1) chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Công ty con			
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (“HAQM Lào”)	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (“HA Attapeu”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri (“HA Rattanakiri”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers (“Heng Brothers”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav (“HA Oyadav”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH CRD (“CRD”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai (“XNK HAGL”)	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (“Bidiphar”)	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14
Chi nhánh hạch toán phụ thuộc			
(1) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 1 và TM số 11.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ lũy kế là 244.356.285 ngàn VND. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Công ty đã vi phạm một số điều khoản vay như được trình bày tại TM số 17.4 của báo cáo tái chính tổng hợp giữa niên độ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh điều khoản đã bị vi phạm của hợp đồng vay có liên quan. Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty cũng đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("THACO"), qua đó, THACO đã và sẽ tiếp tục cam kết hỗ trợ Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu nông sản với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("THAGRICO"), qua đó, THAGRICO hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Công ty.

Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.15 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền mặt	12.902	34.850
Tiền gửi ngân hàng	2.093.563	7.299.409
TỔNG CỘNG	2.106.465	7.334.259

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 26)	1.299.980.019	1.069.153.128
Phải thu từ các bên khác	110.304.905	104.956.944
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng")	24.541.653	24.541.653
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	20.133.774	19.742.067
- Khách hàng khác	65.629.478	60.673.224
TỔNG CỘNG	1.410.284.924	1.174.110.072
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(45.423.204)	(43.334.615)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.364.861.720	1.130.775.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	43.334.615	11.707.793
Dự phòng trích lập trong kỳ	2.088.589	21.682.946
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(6.262.971)
Số cuối kỳ	<u>45.423.204</u>	<u>27.127.768</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 26)	1.606.404.406	1.505.448.011
Trả trước cho các bên khác	16.707.444	6.739.410
- Công ty TNHH MTV Thiết kế và Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng không ADCC	8.109.500	-
- Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	2.629.520	-
- Khác	<u>5.968.424</u>	<u>6.739.410</u>
TỔNG CỘNG	1.623.111.850	1.512.187.421
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	<u>(177.180.789)</u>	<u>(176.233.586)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.445.931.061</u>	<u>1.335.953.835</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	2.219.498.602	2.260.978.441
Phải thu các bên liên quan từ việc cần trừ công nợ	1.685.826.971	1.695.366.342
Phải thu lãi cho vay	345.500.058	320.330.245
Chi hộ	165.506.672	221.967.461
Khác	22.664.901	23.314.393
Dài hạn	1.608.466.224	1.486.306.351
Phải thu lãi cho vay	1.578.542.870	1.456.965.163
Khác	29.923.354	29.341.188
TỔNG CỘNG	3.827.964.826	3.747.284.792
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(14.708.400)	(14.708.400)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.813.256.426	3.732.576.392
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (TM số 26)</i>	2.196.833.701	2.237.664.048
<i>Phải thu dài hạn khác các bên liên quan (TM số 26)</i>	1.608.466.224	1.486.306.351
<i>Phải thu khác các bên thứ ba</i>	7.956.501	8.605.993

8. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Hàng hóa	23.494.079	18.261.412
Công cụ, dụng cụ	579.446	1.448.315
Nguyên vật liệu	430.943	1.306.534
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.210.428
TỔNG CỘNG	24.504.468	23.226.689
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.473.875)	(1.803.831)
GIÁ TRỊ THUẦN	23.030.593	21.422.858

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	1.803.831	3.839.360
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(329.956)	(3.093.690)
Số cuối kỳ	1.473.875	745.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND			
	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận chuyển</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	873.865	5.550.334	2.966.175	9.390.374
Mua mới	-	90.803	-	90.803
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>873.865</u>	<u>5.641.137</u>	<u>2.966.175</u>	<u>9.481.177</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.363.577	3.814.873	281.274	5.459.724
Khấu hao lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	(859.048)	(4.996.939)	(1.497.185)	(7.353.172)
Khấu hao trong kỳ	(8.890)	(107.893)	(264.400)	(381.183)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>(867.938)</u>	<u>(5.104.832)</u>	<u>(1.761.585)</u>	<u>(7.734.355)</u>
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>14.817</u>	<u>553.395</u>	<u>1.468.990</u>	<u>2.037.202</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>5.927</u>	<u>536.305</u>	<u>1.204.590</u>	<u>1.746.822</u>

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND	
	<i>Phần mềm vi tính</i>	
Nguyên giá		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ		<u>5.980.000</u>
Hao mòn lũy kế		
Ngày 31 tháng 12 năm 2021		(1.245.833)
Hao mòn trong kỳ		(373.750)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022		<u>(1.619.583)</u>
Giá trị còn lại		
Ngày 31 tháng 12 năm 2021		<u>4.734.167</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022		<u>4.360.417</u>

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Đầu tư vào các công ty con (TM số 11.1)	4.662.884.812	4.662.884.812
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 11.2)	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 11.3)	2.594.610	2.594.610
TỔNG CỘNG	4.951.484.058	4.951.484.058
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(102.594.610)	(102.594.610)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.848.889.448	4.848.889.448

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
HA Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	100,00	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
HAQM Lào	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	-	100,00	1.081.159.132	-
HA Rattanakiri	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	943.987.719	-	100,00	943.987.719	-
HA Oyadav	Trồng cây công, nông nghiệp	100,00	436.708.401	-	100,00	436.708.401	-
XNK HAGL	Thương mại	100,00	100.000.000	(100.000.000)	100,00	100.000.000	(100.000.000)
TỔNG CỘNG			4.662.884.812	(100.000.000)		4.662.884.812	(100.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND
Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	<u>286.004.636</u>	49,14	<u>286.004.636</u>

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Dự phòng
Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>	15,00	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 26)	6.199.306	25.682.255
Phải trả cho các bên thứ ba	16.067.292	29.131.854
- Công ty Cổ Phần Cánh Đồng Vàng Lạng Sơn	3.963.450	3.963.450
- Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Thiên Thành Lộc	-	7.104.420
- Khác	<u>12.103.842</u>	<u>18.063.984</u>
TỔNG CỘNG	<u>22.266.598</u>	<u>54.814.109</u>

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Nhận ứng trước từ bên liên quan (TM số 26)	280.476.715	-
Nhận ứng trước từ các bên khác	<u>414.608</u>	<u>1.491.669</u>
TỔNG CỘNG	<u>280.891.323</u>	<u>1.491.669</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	69.380.398	21.718.863	(11.454.596)	79.644.665
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 25.1)	285.831	-	-	285.831
Thuế khác	557	4.000	(4.000)	557
TỔNG CỘNG	<u>69.666.786</u>	<u>21.722.863</u>	<u>(11.458.596)</u>	<u>79.931.053</u>
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	162.728	212.863	(191.139)	184.452

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	311.629.552	264.079.854
Chi phí hoạt động	152.450.400	152.450.400
Chi phí lãi vay	136.339.253	85.110.944
Khác	22.839.899	26.518.510
Dài hạn	188.764.745	175.531.171
Chi phí lãi vay	188.764.745	175.531.171
TỔNG CỘNG	<u>500.394.297</u>	<u>439.611.025</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 26)</i>	28.062.356	15.484.556
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 26)</i>	25.785.283	3.278.882
<i>Phải trả các bên khác</i>	446.546.658	420.847.587

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	121.767.583	258.356.458
Phải trả các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	104.389.384	239.175.177
Phải trả khác	17.378.199	19.181.281
Dài hạn	162.543.974	191.454.233
Phải trả các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	126.004.035	154.914.294
Mượn tiền	36.539.939	36.539.939
TỔNG CỘNG	<u>284.311.557</u>	<u>449.810.691</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 26)</i>	104.389.384	241.743.308
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 26)</i>	126.004.035	154.914.294
<i>Phải trả các bên khác</i>	53.918.138	53.153.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngắn hạn	3.239.554.011	2.744.137.814
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn phải trả (TM số 17.4 và TM số 26)	1.748.206.625	1.351.784.995
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 17.2)	899.482.687	1.095.586.881
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 17.1 và TM số 26)	332.440.518	41.823.960
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 17.3)	259.424.181	254.941.978
Dài hạn	1.695.834.446	1.803.299.672
Vay dài hạn các bên liên quan (TM số 17.4 và TM số 26)	976.729.772	1.093.729.771
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 17.3)	719.104.674	709.569.901
TỔNG CỘNG	<u>4.935.388.457</u>	<u>4.547.437.486</u>

Tình hình tăng/giảm các khoản vay như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.744.137.814	1.803.299.672	4.547.437.486
Tiền thu từ đi vay	546.450.083	305.000.000	851.450.083
Tiền trả nợ gốc vay	(564.383.349)	(22.000.000)	(586.383.349)
Cán trừ công nợ	112.445.629	(3.578.370)	108.867.259
Vay dài hạn đến hạn trả	396.421.631	(396.421.631)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.482.203	9.534.775	14.016.978
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>3.239.554.011</u>	<u>1.695.834.446</u>	<u>4.935.388.457</u>

17.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 26)

Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
THAGRICO	<u>332.440.518</u>	Từ ngày 26 tháng 11 năm 2022 đến ngày 13 tháng 5 năm 2023	6.50 - 8.50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022 Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Mục đích</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội	599.976.187	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2022 đến ngày 15 tháng 3 năm 2023	Lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TPBank + 2,35%/năm (6 tháng 2022: 9,50%)	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây và cao su	<ul style="list-style-type: none"> - Tài sản của của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia), công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tô nhượng kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, diện tích 925 ha; - 453,7 ha đất trồng trái cây tại Bản Huội Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng"), công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT. - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Đại Thắng; công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT và - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khăn Xây, công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HDBank"), Chi nhánh Đồng Nai	299.506.500	Từ ngày 2 tháng 7 năm 2022 đến ngày 1 tháng 10 năm 2022	8,85 - 9,35	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - 76.375.000 cổ phiếu HNG sở hữu của HAG; và - Quyền sử dụng và khai thác 7,926 ha cao su, và cọ dầu tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("HA Lumphat"), công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT.
TỔNG CỘNG	<u>899.482.687</u>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Nguyên tệ</i> <i>USD</i>	<i>Thời hạn</i> <i>thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	729.194.250	31.148.836	Từ ngày 26 tháng 12 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của BIDV bằng USD hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70%/năm. (6 tháng 2022: 7,20%)	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Lào	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	249.334.605	-	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2022 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank hạn 13 tháng lãi trả sau + 2,00%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (6 tháng 2022: 8,95%)	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Campuchia	23,2 triệu cổ phiếu HAG do ông Đoàn Nguyên Đức - Chủ tịch HĐQT HAG sở hữu và 14,5 triệu cổ phiếu HAQM Việt Nam do THAGRICO sở hữu
TỔNG CỘNG	978.528.855	31.148.836				
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn</i>	<i>719.104.674</i>	<i>21.188.384</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>259.424.181</i>	<i>9.960.452</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.4 Vay dài hạn bên liên quan

Công ty vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
	Ngàn VND			
HAG (*)	1.984.883.897		Từ ngày 30 tháng 6 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	0,00
THAGRICO	740.052.500		Từ ngày 13 tháng 1 năm 2023 đến ngày 13 tháng 6 năm 2024	9,00 - 10,50
TỔNG CỘNG	<u>2.724.936.397</u>			
Trong đó:				
Vay dài hạn	976.729.772			
Vay dài hạn đến hạn trả	1.748.206.625			

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm, Công ty chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 998.206.625 ngàn VND. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, các khoản nợ quá hạn này đã được gia hạn theo thỏa thuận lịch trả nợ mới với lần thanh toán tiếp theo là vào ngày 30 tháng 9 năm 2022

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	11.085.538.950	1.170.127.000	(94.434.252)	12.161.231.698
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(148.053.643)	(148.053.643)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(242.487.895)</u>	<u>12.013.178.055</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	11.085.538.950	1.170.127.000	(351.208.883)	11.904.457.067
Chia thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	(480.000)	(480.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	107.332.598	107.332.598
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>11.085.538.950</u>	<u>1.170.127.000</u>	<u>(244.356.285)</u>	<u>12.011.309.665</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Doanh thu bán hàng hóa	289.170.199	375.354.232
Doanh thu bán mũ cao su	62.688.200	74.206.770
Doanh thu bán trái cây	749.829	283.809.227
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.450	22.319.555
TỔNG CỘNG	352.645.678	755.689.784
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	345.464.636	149.366.983
<i>Doanh thu thuần với các bên khác</i>	7.181.042	606.322.801

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lãi tiền cho vay	194.455.413	322.758.173
Lãi chênh lệch tỷ giá	45.381.667	4.713.318
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.635	7.418
TỔNG CỘNG	239.850.715	327.478.909
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan</i>	194.455.413	322.758.173
<i>Bên khác</i>	45.395.302	4.720.736



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn hàng hóa	288.323.143	346.996.901
Giá vốn mù cao su đã bán	59.820.744	73.142.613
Giá vốn trái cây đã bán	1.480.037	247.768.196
Giá vốn cung cấp dịch vụ	35.860	24.158.475
TỔNG CỘNG	<u>349.659.784</u>	<u>692.066.185</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	116.717.183	143.756.216
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.498.980	21.577.046
Lỗ thanh lý các công ty con	-	257.905.083
Khác	635.290	-
TỔNG CỘNG	<u>119.851.453</u>	<u>423.238.345</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí bán hàng	3.043.898	65.540.753
Chi phí vận chuyển	1.814.553	61.859.588
Chi phí nhân viên	820.606	2.858.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	808.663
Khác	408.739	13.727
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.515.508	51.803.377
Chi phí nhân viên	2.449.795	3.843.330
Dự phòng phải thu khó đòi	3.035.792	38.311.095
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	715.580	835.168
Khác	2.314.341	8.813.784
TỔNG CỘNG	<u>11.559.406</u>	<u>117.344.130</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thu nhập khác	58.319	2.085.140
Nhận hỗ trợ tài chính	-	1.290.000
Khác	58.319	795.140
Chi phí khác	(4.151.471)	(658.816)
Khoản phạt	(8.108)	-
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	(51.945)
Khác	(4.143.363)	(606.871)
(LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC	(4.093.152)	1.426.324

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	348.904.851	688.475.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.022.723	71.051.666
Chi phí nhân công	3.270.401	6.702.105
Dự phòng phải thu khó đòi	3.035.792	38.311.095
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (TM số 9 và 10)	754.933	3.590.640
Khác	1.230.490	1.279.264
TỔNG CỘNG	361.219.190	809.410.315

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và thu nhập chịu thuế/(lỗ) tính thuế:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	107.332.598	(148.053.643)
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	3.523.416	31.703.620
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(67.465.007)	15.657.659
Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) ước tính trong kỳ	43.391.007	(100.692.364)
Lỗ chuyển sang các kỳ sau	-	100.692.364
Lỗ chuyển sang từ các kỳ trước	(43.391.007)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(285.831)	(285.831)

25.2 Thu nhập chịu thuế

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

25.3 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.160.872.308 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.204.263.315 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Ngàn VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022
2016	2021	191.649.115 (*)	(95.293.580)	(96.355.535)
2018	2023	11.091.234 (*)	(11.091.234)	-
2019	2024	1.193.172.081 (*)	(32.299.773)	-
TỔNG CỘNG		1.395.912.430	(138.684.587)	(96.355.535)
				1.160.872.308

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 1.160.872.308 ngàn VND do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT
HAG	Cổ đông lớn
HA Attapeu	Công ty con
HA Oyadav	Công ty con
HAQM Lào	Công ty con
HA Rattanakiri	Công ty con
XNK HAGL	Công ty con
CRD	Công ty con
Heng Brothers	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cao su Hoàng Anh Quang Minh ("HAQM Việt Nam")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas ("HA Andong Meas")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
HA Lumphat	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc ("HA Đắc Lắc")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Giao Nhận Vận Chuyển Quốc Tế Trường Hải ("THILOGI")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Bò sữa Tây Nguyên ("Bò sữa Tây Nguyên")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai ("Hưng Thắng Lợi")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên ("Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Cao Su Trung Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Vận Tải Đường Bộ Chu Lai - Trường Hải ("Đường bộ Chu Lai")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tải - Bus Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai ("Cơ khí Chu Lai")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai Trường Hải ("Cảng Chu Lai Trường Hải")	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Bidiphar	Công ty liên kết
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	626.245.629	1.526.625.042
		Mua hàng hóa và dịch vụ	278.820.856	338.331.431
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	62.843.378	3.870.424
		Trả gốc vay	52.629.070	184.000.000
		Lãi vay	35.885.100	34.223.559
		Chuyển nhượng công ty con	-	4.149.882.400
		Cần trừ công nợ	-	358.185.042
HA Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	256.672.360	339.814.459
		Cho vay	186.304.722	-
		Lãi cho vay	123.048.226	175.739.106
		Chi hộ	108.577.018	38.171.698
		Mua hàng hóa	38.238.582	255.714.806
		Cần trừ công nợ	-	421.022.056
HA Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	29.268.208	42.309.200
		Bán hàng hóa	15.242.422	10.687.160
		Cho vay	5.183.351	-
		Chi hộ	2.400.191	10.805.319
		Góp vốn	-	41.627.543
		Cần trừ công nợ	-	30.154.260
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	21.582.162	19.030.657
		Lãi cho vay	17.605.164	27.857.570
		Chi hộ	3.564.314	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	12.425.708
HA Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	24.533.815	45.310.707
THILOGI	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay, mượn	8.200.000	104.559.383
		Trả gốc vay, mượn	8.200.000	21.426.000
		Mua dịch vụ	2.894.112	74.104.387
		Lãi vay	121.726	1.439.681
CRD	Công ty con	Bán hàng hóa	10.197.190	9.195.630
		Mua hàng hóa	-	17.977.753
HAG	Cổ đông lớn	Cần trừ công nợ	3.578.369	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ được trình bày như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Cơ khí Chu Lai	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	2.341.702	-
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	306.065	4.619.409
		Lãi cho vay	-	23.107.191
XNK HAGL	Công ty con	Cần trừ công nợ	-	35.886.064

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)				
HA Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	1.120.672.592	876.771.175
HA Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	110.689.694	93.376.292
HAQM Lào	Công ty con	Bán hàng hóa	44.236.168	43.352.107
CRD	Công ty con	Bán hàng hóa	23.131.688	12.466.856
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Chuyển nhượng công ty con	-	38.063.941
Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	692.009	682.790
HA Andong Meas	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	440.192	431.628
Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	-	3.578.369
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	117.676	429.970
TỔNG CỘNG			1.299.980.019	1.069.153.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngàn VND		
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)				
HA Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	697.414.168	675.141.853
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	606.768.143	617.052.265
XNK HAGL	Công ty con	Mua hàng hóa	173.754.397	173.841.673
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	128.467.698	39.013.212
HA Lumphat	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	399.008
TỔNG CỘNG			1.606.404.406	1.505.448.011
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)				
HA Attapeu	Công ty con	Cho vay	355.305.999	728.053.755
HA Oyadav	Công ty con	Cho vay	205.183.351	86.253.000
HA Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	199.278.400	270.556.953
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	13.709.147	234.617.379
TỔNG CỘNG			773.476.897	1.319.481.087
(*) Cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay tín chấp các bên liên quan với thời hạn hoàn trả đến từ ngày 6 tháng 2 năm 2023 đến ngày 28 tháng 3 năm 2023, và với lãi suất trung bình từ 5,00%/năm đến 11,85%/năm.				
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 7)				
HA Attapeu	Công ty con	Cho mượn Lãi cho vay Chi hộ	1.515.344.400 266.782.347 165.441.972	1.460.547.605 248.525.712 202.561.559
HA Andong Meas	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn	146.988.741	195.894.200
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay Cho mượn Chi hộ	78.717.711 23.493.830 -	71.804.533 726.167 19.368.702
HA Lumphat	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Cho mượn	-	38.198.370
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Chi hộ	64.700	37.200
TỔNG CỘNG			2.196.833.701	2.237.664.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu về cho vay dài hạn (*)				
HA Attapeu	Công ty con	Cho vay	3.815.943.510	3.242.455.965
HA Oyadav	Công ty con	Cho vay	648.702.593	762.449.593
HA Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	606.629.954	535.351.401
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	605.723.548	384.815.315
TỔNG CỘNG			5.676.999.605	4.925.072.274

(*) Cho vay dài hạn các bên liên quan thể hiện các khoản cho vay tín chấp các công ty với thời hạn hoàn trả từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 12 năm 2026 và với lãi suất trung bình từ 7,20%/năm đến 11,85%/năm.

Phải thu dài hạn khác (TM số 7)

HA Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.521.251.329	1.410.126.601
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay Chi hộ	57.291.541 29.923.354	46.599.555 29.341.187
Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	-	239.008
TỔNG CỘNG			1.608.466.224	1.486.306.351

Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 12)

Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tài - Bus Trường Hải	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	2.963.100	2.963.100
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	2.444.833	6.268.887
THILOGI	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	422.606	7.750.385
HA Oyadav	Công ty con	Mua hàng hóa	71.822	998.404
Đường bộ Chu Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	3.267.956
Cơ khí Chu Lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	-	3.308.978
Bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	296.945	1.124.545
TỔNG CỘNG			6.199.306	25.682.255

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 13)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Tạm ứng mua hàng hóa	280.476.715	-
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 15)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay Mua hàng	27.780.314 202.042	14.401.614 128.400
THILOGI	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Chi phí dịch vụ	80.000	954.542
TỔNG CỘNG			28.062.356	15.484.556
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 16)				
HA Rattanakiri	Công ty con	Mượn tiền	85.423.072	108.018.837
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền	18.932.443	131.156.340
Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền	33.869	-
Đường bộ Chu lai	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mượn tiền	-	2.568.131
TỔNG CỘNG			104.389.384	241.743.308
Chi phí phải trả dài hạn (TM số 15)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay	25.785.283	3.278.882
Phải trả dài hạn khác (TM số 16)				
HA Oyadav	Công ty con	Cần trừ công nợ	93.582.376	123.092.138
Heng Brothers	Công ty con	Cần trừ công nợ	32.421.659	31.822.156
TỔNG CỘNG			126.004.035	154.914.294

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Vay ngắn hạn (TM số 17.1 và TM số 17.4)				
HAG	Cổ đông lớn	Vay	1.748.206.625	1.351.784.995
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	332.440.518	41.823.960
TỔNG CỘNG			2.080.647.143	1.393.608.955
Vay dài hạn (TM số 17.4)				
THAGRICO	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Vay	740.052.500	457.052.500
HAG	Cổ đông lớn	Vay	236.677.272	636.677.271
TỔNG CỘNG			976.729.772	1.093.729.771

Giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	78.000	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó chủ tịch	72.000	-
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/Tổng Giám đốc	60.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/Phó Tổng Giám Đốc	60.000	-
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên từ ngày 16 tháng 4 năm 2022	30.000	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên/Tổng Giám đốc cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	30.000	-
Ban Kiểm soát			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	48.000	-
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	36.000	-
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên từ ngày 16 tháng 4 năm 2022	18.000	-
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	18.000	-
TỔNG CỘNG		450.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Cam kết bảo lãnh:

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đang dùng các quyền thuê đất của các Công ty con để đảm bảo cho khoản trái phiếu của HAG, cổ đông lớn của công ty tại BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Gia Lai, chi tiết như sau:

- (a) Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.897,5 ha tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của HAQM Lào;
- (b) Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 5.588 ha (trồng cao su) và 2.093,6 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu;
- (c) Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Heng Brothers; và
- (d) Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của CRD.

Cam kết khác:

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường HAGL có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt Nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cọ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và vào ngày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đang trong quá trình làm việc với các cơ quan thuế địa phương để xác định khoản nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh (nếu có) liên quan đến chuyển nhượng Nhóm Công ty Mía đường nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ KẾ TOÁN

Đại dịch Covid 19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 06/22/NQ-HĐQT/HAGL Agrico về việc ký kết Thỏa thuận Cam kết giữa Nhóm Công ty, HAG và BIDV nhằm đảm bảo thực hiện xử lý tách bạch, giải chấp và giải trừ nghĩa vụ đảm bảo đối với toàn bộ tài sản của Nhóm Công ty khỏi nghĩa vụ Trái phiếu HAGL 2016 như đã đề cập ở Thuyết minh số 27 và toàn bộ tài sản của HAG khỏi nghĩa vụ của Nhóm Công ty tại các tổ chức tín dụng, đồng thời tái cơ cấu thời gian thanh toán các khoản nợ đến hạn với HAG, BIDV và LaoVietBank.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Trương Thị Trúc Thiên Trang
 Người lập



Nguyễn Thị Hải Yến
 Kế toán trưởng




Nguyễn Hoàng Phi
 Phó Tổng Giám đốc



Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022